

## QUYỀN 23

Hỏi: Đạo bồ-đề không thể đo lường, căn cứ vào một thời phương tiện làm sao không thể chỉ bày. Thế nào là tướng bồ-đề ?

Đáp: Nếu xét về cứu cánh thì thể bồ-đề thường lặng lẽ như như. *Kinh Tịnh Danh* nói: “Tịch diệt là bồ-đề vì lìa các tướng”. Dùng tướng vô tướng ở trong môn phương tiện đều hiển bày khiến người mới phát tâm hiểu rõ không còn mê lầm. Như Cổ đức nói: Tịch chiếu không hai là tướng bồ-đề, như gương sáng, vô tâm là thể, chiếu soi là dụng; hợp tướng của nó cũng là thiên tông, cũng là dụng của thể. Tự biết thể của dụng hằng tịch, biết tịch không hai là tướng của tâm. Lại nói: Lý trí nhiếp nhau, vì lìa lý không có trí, lìa trí không có lý như ánh sáng của hạt châu. Vì hạt châu là thể, ánh sáng là dụng. Dụng không lìa thể, thể chẳng lìa dụng. Ánh sáng chẳng lìa hạt châu, hạt châu chẳng lìa ánh sáng.

Hỏi: Có niệm là chúng sinh, không niệm là Phật, vì sao nói phàm Thánh như nhau ?

Đáp: Chúng sinh tuy khởi niệm, không biết niệm vốn vô niệm cùng với Phật vô niệm đồng, vọng rơi trong hữu niệm. Phật được vô niệm, biết niệm vốn không.

Chúng sinh tuy hiện tại ở trong niệm, Phật biết niệm tức vô niệm, đây là Phật vô niệm cùng với chúng sinh vô niệm nghĩa đồng.

Lại vì chúng sinh chẳng biết niệm là không, nên ở nơi niệm tạo thành sự việc dường như có sai biệt. Nếu thật sự thấu rõ niệm là không thì đối với cảnh khổ vui chẳng sinh chấp thọ, làm gì cảnh theo niệm mà sinh ? Tâm không thì cảnh làm sao có ? Đã không có cảnh, sự trói buộc tự trừ, năng sở đều không, ai sinh thủ trước ? Đã không còn thủ trước thì sinh tử tự không! Như *kinh Viên Giác* nói: “Biết là hoa đóm hư không thì không còn lưu chuyển, cũng không có thân tâm chịu sinh tử.

Hỏi: Tông chỉ: “tức tâm thành Phật” là chính ý của Tào Khê; ý chỉ “kiến tính đạt đạo” là bản hoài của Linh Thú. Ngày nay kẻ tin

chưa sâu cho rằng không thể chứng đắc hiện tiền, cúi mong từ bi chỉ dạy ?

Đáp: Nếu đích thân thấy không có một người chẳng phải Phật, hoặc không tin không có một vị Phật chẳng phải con người, mê thì thường làm chúng sinh của Phật, ngộ thì hiện chúng Phật của chúng sinh. Người với Phật không khác chỉ vì thấy sai lầm mà thành sai khác. Mê ngộ tuy khác song bản tính luôn là một.

Như quá khứ có vị Phật hiệu là Trụ Vô Trụ, phát nguyện cho chúng sinh trong cõi mình thành Phật cùng một ngày và diệt độ cùng một ngày.

Lại thuở Hiền kiếp có Phật hiệu là Bình Đẳng, cũng nguyện cõi nước mình và chúng sinh mười phương thành Phật cùng một ngày và diệt độ cùng một ngày.

*Kinh Bảo Tích* ghi: “Khi ấy, đồng nữ Diệu Huệ thưa với Mục Liên: Vì tôi nói lời chân thật như thế nên đời vị lai sẽ được thành Phật, cũng như Thích-ca Như Lai hôm nay. Nếu như lời nói của tôi chẳng hư dối thì cả đại chúng thân sẽ biến thành màu vàng kim. Vừa dứt lời cả đại chúng thân đều biến thành màu vàng kim”.

*Kinh Tư Ích* ghi: “Bồ-tát Tư Ích phóng hào quang nơi bàn tay phải, tất cả bốn chúng đều như tướng Phật. Bốn vị Bồ-tát ở phương dưới vọt lên muốn đánh lễ Thế Tôn, liền phát nguyện: Nay hình sắc của chúng hội không khác, phải biết tất cả pháp cũng như thế. Nếu lời này không hư dối, cầu xin Thích-ca Như lai hiện dị tướng để con lễ kính. Tức thời Thích-ca Như Lai vọt lên trên bảy cây Đa-la, ngồi trên tòa sư tử”.

Lại *kinh Tối Thắng Vương* ghi: “Hành giả Tu-bồ-đề, đối với thể của các Thánh cảnh phi nhất phi dị, chẳng bỏ tục, chẳng lìa chân, y theo pháp giới thực hành hạnh bồ-đề. Khi ấy, Thiện thiên nữ bạch Phật: Bạch Thế Tôn, nay con phải học hạnh bồ-đề nói trên. Khi ấy Phạm Thiên Vương hỏi: Hạnh bồ-đề này rất khó tu hành, người làm sao được tự tại đối với hạnh bồ-đề ? Thiện thiên nữ đáp: Tôi y theo pháp này được an lạc trụ là lời chân thật, nguyện cho tất cả ngũ

trước ác thế, vô lượng vô số vô biên chúng sinh đều được ba mươi hai tướng kim sắc, phi nam phi nữ, ngồi hoa sen báu, được vô lượng sự vui thích. Vừa dứt lời tất cả chúng sinh trong ngũ trước ác thế đều có đủ tướng đại nhân sắc vàng kim, phi nam phi nữ, ngồi tòa sen báu, được vô lượng sự vui sướng giống như Tha Hóa tự tại thiên cung.

Giải thích: Đối với thế của các Thánh cảnh phi nhất phi dị, tức là chẳng bỏ tục là phi nhất, chẳng lìa chân là phi dị. Nếu nhất thì hoại chân tục; nếu dị thì thành đoạn thường. Chẳng đoạn chẳng thường tức là y theo pháp giới. Chẳng phải chân chẳng phải tục gọi là tu tập bồ-đề, cho nên nói ta y theo pháp này được an lạc trụ. Do đó Thiện thiên nữ ngộ thì ngũ trước biến thành kim sắc, Diêm-phù-đề mê thì tướng Phật trở thành thân ác nghiệp. Nếu dùng trí chiếu soi thì thế pháp thành Phật pháp, nếu đem tình chấp trước thì Phật pháp thành thế pháp. Nhất tâm bất động, nhị kiến tự thành sai biệt; cùng chung trong một pháp riêng thành tri giải phạm Thánh. Nếu thấu rõ thế của phi nam phi nữ, hiện đầy đủ ba mươi hai tướng ngồi hoa sen báu. Nếu chấp hình tướng là nam là nữ, thường bị trói buộc trong hai mươi lăm hữu, đắm chìm biển vô minh. Cho nên biết lòng tin sâu chắc, nói lời chân thật có thể thấy được hiệu nghiệm, hiện chứng pháp môn liền sáng tỏ tâm Phật.

Hỏi: Trên đây vẫn còn kể lại chuyện xưa, dẫn chứng văn kinh, thế nào là Phật hiện tiền ?

Đáp: Nếu biết một niệm hiện tiền vừa khởi bất khả đắc, không có xứ sở là Phật quá khứ. Quá khứ không có, vị lai cũng không là Phật vị lai. Hiện tại niệm niệm không trụ là Phật hiện tại. Chỉ cần một niệm khởi chớ chấp chớ đoạn, không lấy không bỏ thì ba thuở không dấu vết một niệm đầy đủ mười pháp giới, phi nhân phi quả, cũng nhân cũng quả. Nếu có thể đạt được một niệm như thế thì niệm niệm tương ưng, niệm niệm thành Phật, phạm Thánh bình đẳng, xưa nay như nhau, cho nên nói liễu liễu biết tâm, tỉnh tỉnh thấy Phật, Phật này là tâm, tâm này là Phật, niệm niệm Phật tâm,

tâm tâm niệm Phật. Muốn được sớm thành giới tâm tự luật, tịnh giới luật, tâm tịnh, tâm là Phật. Trừ tâm vương này không còn Phật nào khác. Muốn cầu vạn pháp thì đừng nhiễm một vật. Tâm tính tuy không mà hàm chứa bản thể chân thật, thâm nhập pháp môn này ngồi thẳng thành Phật, như thế thì mười phương chư Phật cùng một pháp thân. Nếu muốn công phu ngoài niệm, cầu Phật ngoài tâm thì rơi vào cảnh khác không biết lúc nào được, tức thì trước sau tình sinh phàm Thánh duyên khởi, luống qua thời kiếp, uổng dụng công phu. Do đó *Hoa Nghiêm luận* nói: “Chẳng bằng một niệm duyên khởi vô sinh, vượt lên những kiến giải của tam thừa quyền học”.

Hỏi: Một niệm thành Phật đã vào tín môn, làm sao để thấy rõ ràng trước mắt ?

Đáp: Trước mắt không một vật là chân thật thấy Phật, như kinh Văn-thù-su-lợi Tuần Hành, vì trong kinh nói Văn-thù-su-lợi đi qua hết phòng xá của năm trăm tỷ-kheo đều thấy tịch định. Cuối cùng ngài gạn hỏi Xá-lợi-phất để hiển bày bát-nhã thậm thâm: Lúc ta thấy ông ở một mình trong phòng, ngồi kiết già điều thân là ông đang tọa thiền chăng ? Đáp: Đang ngồi thiền. Gạn hỏi: Là vì muốn dứt những gì chưa dứt nên ngồi thiền chăng ? Nhân đây hiển bày ý nghĩa tính không vô đắc. Năm trăm tỷ-kheo từ chỗ ngồi đứng lên, đối trước Thế Tôn xưng rằng: Từ nay trở đi không còn thấy thân Văn-thù, không còn nghe tên Văn-thù, tất cả nơi nào có Văn-thù cũng không thú hướng. Vì sao ? Vì Văn-thù nói phiền não, giải thoát là một tướng. Xá-lợi-phất khiến cho Văn-thù vì họ quyết liễu. Văn-thù nói: Vì thật sự không có Văn-thù để được !”.

Nếu thế thì họ cũng không thể thấy vì họ thuyết pháp. Bốn trăm tỷ-kheo lậu tận đắc quả, một trăm tỷ-kheo phỉ báng bị đọa địa ngục, sau đó cũng đắc quả. Như trên nói sở dĩ không thấy là chân thật thấy, không nghe là chân thật nghe. Không thấy không nghe Văn-thù là chân thật thấy chân thật nghe Văn-thù. Nếu không tin lời này, dù có bị đọa địa ngục song vì từng được nghe nên sau cùng

huân tập chủng tử mà đắc đạo, huống chi đã nghe mà còn tin thì thành đạo không xa một niệm, cho nên biết Tông Cảnh thấy nghe đều được lợi ích.

Do đó *kinh Bảo Tích* ghi: “Bồ-tát Vô úy nói: Đại Ca-diếp, các pháp hoàn toàn có thể thị hiện cho nên tất cả pháp đều không. Nếu pháp vốn không làm sao có thể thấy pháp giới thanh tịnh ? Đại Ca-diếp, nếu muốn thấy Như Lai thanh tịnh thì phải khéo tịnh tự tâm.

Khi ấy, Đại Ca-diếp hỏi Vô Úy: Làm thế nào khéo tịnh tự tâm ? Vô úy nói: Đại Ca-diếp, như tự thân chân như và tất cả pháp chân như, nếu tin điều ấy và thấy như thế thì tự tâm thanh tịnh.

Ca-diếp hỏi: Tự tâm lấy gì làm thế ? Vô Úy nói: Lấy không làm thế. Nếu chúng cái không ấy, tin tự thân tức là tin chân như không, vì tất cả pháp tính tịch tịnh”.

Lại nói: “Như Lai là hư không giới, thế nên hư không là Như Lai, trong đó không có một vật để phân biệt”.

*Kinh Hoa Thủ* ghi: “Tất cả pháp như là Như Lai, Như Lai là tất cả pháp như. Thế nên Thế Tôn không có trụ xứ đây là nghĩa Như Lai. Còn báo thân, hóa thân như bóng hư dối không có đến đi. Tâm tịnh thì Phật hiện nên nói Phật đến mà cũng không đến. Tâm như thì Phật chẳng hiện nên nói Phật đi mà cũng không đi. Đây chính là đến mà chẳng phải đến, đi mà chẳng phải đi. Phật đã không đến đi, tâm cũng chẳng sinh diệt. Hiểu như thế mới có thể thấy chân Phật”. Cho nên *kinh Kim Cương* nói: “Nếu kẻ nào nói Như Lai hoặc đến hoặc đi hoặc ngồi hoặc nằm, người ấy không hiểu nghĩa của ta nói. Như Lai có nghĩa là không từ đâu đến, cũng không đi về đâu cho nên gọi là Như Lai”. Cho nên biết rằng hoặc nhân hoặc pháp đều không ra ngoài đạo nhất như, như thế thông đạt căn trần thì sẽ thấy tự tính như như Phật. Đây lấy cái chẳng thấy làm cái thấy chân thật. Thấy chân thật là chân Phật. Pháp sư Tăng Triệu nói: “Phật là gì ? Cùng lý tận tính gọi là đại giác”. Ngài Đạo Sinh nói: “Thấy thật là

Phật, như thế cũng gọi là chân kiến đạo, cũng gọi là chân cúng dường”.

Hỏi: Thế nào là chân cúng dường ?

Đáp: Khế hợp tâm đúng như lý, không có ý tưởng thấy Phật, rõ tự pháp thân là chân cúng dường. *Kinh Bảo Tích* nói: “Chân cúng dường là không nghĩ đến Phật, không thấy có Phật, hướng là cúng dường. Nếu muốn cúng dường Phật thì nên cúng dường tự thân”.

Hỏi: Làm thế nào cúng dường tự thân ?

Đáp: Nếu bỏ chính mình chạy theo trần lao đây là trái nghịch. Có thể hồi quang phản chiếu, tùy thuận chân như, cảnh trí thâm hợp, đây là chân cúng dường.

Cho nên *kinh Duy-ma* nói: “Không trước không sau đồng thời cúng dường”, đây là vận dụng ý nghĩa không lấy không bỏ, khởi tâm nhất tế, bình đẳng thì khắp mười phương cúng dường tất cả Như Lai, hàm linh cả pháp giới nhất thời thọ nhận. Cúng dường như thế chẳng lớn sao ? Do đó *kinh Bảo Vũ* nói: “Tư duy đúng như lý tức là cúng dường tất cả Như Lai”.

Hỏi: Thế nào là tư duy đúng như lý ?

Đáp: Chỉ cần tất cả không tư duy là chân tư duy, vì đốn ngộ nhất tâm không cách nào suy lường được, thế nên mười phương chư Phật chứng tâm thành đạo nên gọi là như lý. Nếu rõ tự tâm hay thuận ý Phật đó là cúng dường tất cả Như Lai. Nếu không y theo như lý ngộ tâm thì làm mọi việc mà ngoài tâm thấy Phật, dù trải qua nhiều kiếp đều không phải chân thật cúng dường, vì trái với ý Phật. Như *kinh Hoa Nghiêm* có bài tụng:

*Dù trong mỗi mỗi niệm  
Cúng dường vô lượng Phật,  
Chưa biết pháp chân thật,  
Không gọi là cúng dường.*

Thế nào là pháp chân thật ? Đó là thấu rõ tâm chân như vô sinh. Thế nên *kinh Tư Ích* hỏi: Ai hay cúng dường Phật ? Phật đáp: Người hay thông đạt vô sinh.

*Kinh Văn-thù Bát-nhã* nói: “Phật hỏi Văn-thù: ông cúng dường Phật như thế nào ? Văn-thù đáp: Bạch Thế Tôn, tâm số người huyễn diệt là cách con cúng dường Phật”.

*Thai giáo* nói: “Cúng dường Phật chỉ là tùy thuận lời Phật dạy, tu tam quán tâm là cúng dường Phật; vì phá ngũ trụ được giải thoát là cúng dường Pháp; lý tam đế hòa hợp là cúng dường Tăng. Lại tâm các hạnh giúp tâm quán trí là cúng dường Phật; tâm quán trí khai phát cảnh giới là cúng dường Pháp, cảnh trí tâm hòa hợp là cúng dường Tăng, đây là chân thật cúng dường, cũng gọi là pháp cúng dường”.

*Nghĩa Hải* ghi: “Trong tâm vô sinh ban cho tất cả trần bảo, cho đến vi trần đều có thể bao gồm pháp giới, tức là đem pháp giới trần này cúng dường. Sự cúng dường này đến đời thông cả ba đời tất cả Như Lai đều hiển hiện, chư Như Lai đều nhiếp thọ. Vì sao ? Vì trần là pháp giới, lý này tương ứng với Phật pháp giới, thế nên đi đến khắp tất cả gọi là cúng dường rộng lớn. Thế nào là vô không quá ? Vì tâm thông thì pháp thông, pháp thông thì tâm thông; pháp khắp cả thì tâm khắp cả, vì mọi chỗ đều thấy lý nên thấy đều thông đạt đây là mỗi mỗi vắng theo không để luống qua, cũng chẳng ngại cúng dường các thứ hương hoa, bởi trong ngoài đều duy tâm, pháp chấp hiển tông nên có lời này. Lại, nơi tâm chính quán không chỉ cúng dường mà còn hành đạo lễ bái v.v... đều phải hoàn thành mới đắc lực”.

Như Tam-tạng-lặc-na nói: “Chính quán tư thành lễ là nói về tự lễ bái Phật tự thân, không duyên theo cảnh khác, Phật khác. Vì sao ? Tất cả chúng sinh tự có Phật tính, bản giác bình đẳng, tùy thuận pháp giới duyên khởi trùng trùng, chỉ vì mê nên chỉ kính lễ thân khác, Phật tính của thân làm cho là xấu xa. Nếu có thể phản chiếu bản giác thì hi vọng được giải thoát”. Kinh nói: “Chẳng quán Phật, chẳng quán Pháp, chẳng quán Tăng, vì thấy thân mình thân người bình đẳng chính pháp tính, như đi đường xa phải nhờ tự thân, muốn

thấy Phật tính phải quán Phật của mình, thể đồng không hai, đây gọi là chính quán lễ”.

Hỏi: Nếu ngoài tâm không tướng, ngoài tướng không tâm, viên thông như thế gọi là chân cúng dường, vì sao trong giáo nói cúng dường chư Phật được phước vô lượng ?

Đáp: Như trên đã nói thấu rõ nhất tâm, lý sự vô ngại, tại sao có chấp nghi cảnh nghi tâm ? Cho nên *kinh Duy-ma* nói: “Mọi người đều thấy Thế Tôn ở trước mặt”. *Kinh Pháp Hoa* có kệ: “Kiền-thát, Khẩn-na-la, đều cúng dường Phật kia”.

Sơ Tổ Ngưu Đầu giải thích: Như quán tham liền thấy tính tham, tham là chúng sinh. Ngộ tính tham, trí là Phật. Chúng sinh tham tự thấy Phật ở trước mặt, tất cả việc khác cũng thế. Lại “đều cúng dường Phật”, là đối với mỗi pháp môn đều tự phát minh tư duy đúng như lý là đều cúng dường Phật. Kinh nói: “Chư Phật mười phương tùy cơ cảm mà xuất hiện”, đã từ cảm hiện sao là tự tâm, như tứ chúng bát bộ ở Linh Sơn đều tùy căn lực tâm niệm thấy Phật khác nhau như rồng thấy Phật là đại long vương, quỷ thấy Phật là đại quỷ vương v.v... thì lời nói ngoài tâm không pháp có căn cứ trên văn trên lý; còn cái thấy ngoài không chấp sắc thì không có căn cứ. Giả sử có kẻ ác huệ tà kiến ôm lòng nghi chẳng tin toan đem sự hiểu biết điên cuồng để phá hoại, như con muỗi muốn hút hết nước biển cả, như dùng mười ngón tay cào nát núi Diệu Cao. Lời viên đôn, lý chân như của ta như dao chặt nước, tự gió thổi ánh sáng, chỉ luống tự lao tổn tinh thần, trở lại chiêu lấy tội lỗi.

Hỏi: Phân tích như trên, nghĩa lý dù rõ ràng nhưng vẫn nhờ người khác dùng phương tiện tạm nói, làm thế nào được trực tiếp hiện chứng, thấy được Phật tự tâm ?

Đáp: Phải nên tự xét.

Hỏi: Tự xét như thế nào ?

Đáp: Trở lại nơi người mà tìm, đâu có lúc nghỉ ngơi, muốn dứt hết nghi thì cần phải trực tiếp đến.

Hỏi: Đâu không nhờ người khác trợ giúp mà phát tâm tự trí chiếu ?

Đáp: Không chính không trợ, không mình không người. Nếu lấy trí cầu trí thì thành tri giải, tri giải là trái viên tông. Nếu khởi tâm soi chiếu thì soi chiếu liền lập cảnh; theo chiếu mất tông chỉ, đều là việc huyễn hóa không hợp với tông này. Nếu rõ chân tâm tự nhiên vô tâm hợp đạo. Hợp đạo thì đường ngôn ngữ dứt, vô tâm thì cảnh trí đều nhàn. Như bài kệ của Bàng cư sĩ nói:

*Tu-di đố, năm núi băng  
Biển cả cạn, mười phương không  
Nơi đâu lông chứa vũ trụ  
Nhật nguyệt ẩn trong mây lông  
Đây là Tây quốc Na-đề-tử  
Giả bệnh nằm liệt hiện thân thông  
Diệu Đức mở miệng hỏi bất nhị  
Quên lời nhập lý hiển chân tông.*

Hỏi: Như nói ở trên, ý chỉ “tức tâm thành Phật, đã rõ ràng như Thiên tông. Cổ đức nói: Hôm nay phải biết chỗ xuất hiện của mười phương chư Phật, nếu không biết có Phật thì không được thành Phật. Thế nào là chỗ xuất thân của chư Phật ?

Đáp: Trâu đá sinh voi con, gái gở mang thai nhi, chư Phật xuất thân từ trong đó lúc mới thành đạo.

Hỏi: Chúng sinh đã thành, lý sự đầy đủ, tại sao chư Phật lại xuất thế hóa độ chúng sinh ?

Đáp: Chúng sinh không biết như thế, cho nên cần phải hóa độ. Kinh nói: Đều cùng một tính, nghĩa là vô tính, đại bi tương tục cứu độ chúng sinh, tùy môn bất đồng mà có nhiều thứ sai khác. Căn cứ vào pháp môn thành Phật thì tất cả thành. Đồng nhất vô tính nên được hiện thành, vọng tính vốn hư giả, chúng sinh vốn là Phật. Chân tính khó được, chẳng phải ngày nay mới thành, cho nên nói là đều thành. Vật vật vô tính cho nên nói là thành chủng trí. Chúng đồng thể này khởi đại bi, một khi được rồi thì thường còn cho nên

nói là tương tục. Chỉ vì chúng sinh không biết vô tính nên Phật giáo hóa không dứt. Tuy hiện ba thân báo, hóa, pháp song thể không biến đổi. Như hạt ma-ni tùy theo sắc các tướng hiện ra mà bản thể không động, như hang trống ứng thanh phát tiếng vang mà chỗ khởi vô tâm. Chẳng chấp trước tự tha thì đâu thể thấy tướng chúng sinh, vốn chẳng phải ẩn hiện, thường khế hợp nguồn đại giác.

*Kinh Hoa Nghiêm* nói: “Thân Phật không có sinh nên có thể thị hiện sinh ra. Pháp tính như hư không, chư Phật trụ trong ấy”. Lại tụng:

*Vô thể vô trụ xứ  
Cùng vô sinh để được  
Vô tướng cùng vô hình  
Chỗ hiện đều như bóng.*

*Kinh Tư Ích* ghi: “Đại Ca-diếp nói: Thiện nam, người huyễn giáo hóa lìa nơi tự tướng không phân khác biệt, không có chí nguyện, ông cũng như thế chăng? Nếu như thế thì ông làm sao có thể lợi ích vô lượng chúng sinh? Bồ-tát Võng Minh nói: Tính bồ-đề là tính của tất cả chúng sinh. Tính của tất cả chúng sinh là tính huyễn. Tính huyễn là tính của tất cả pháp. Ở trong pháp này ta không thấy có lợi và không lợi”. Lại nói: “Bồ-tát Võng Minh bạch Phật: Bạch Thế Tôn, nếu có Bồ-tát trông mong công đức lợi mà phát tâm bồ-đề, đây không gọi là phát tâm đại thừa. Vì sao? Tất cả pháp không có công đức lợi, vì không đối đãi. Nếu có chúng sinh để độ mà cầu công đức lợi, đây là ngoài tâm thấy pháp, hoàn toàn chẳng biết tâm, làm sao gọi là phát tâm đại thừa”.

*Kinh Lăng Già* ghi: “Phật bảo ngoại đạo: Nếu có thể liễu đạt pháp hữu vô, tất cả đều là chỗ thấy của tự tâm, chẳng sinh phân biệt, chẳng chấp ngoại cảnh, trụ nơi chỗ của mình”. Trụ nơi chỗ của mình là ý nghĩa không khởi. Không khởi cái gì? Không khởi phân biệt, đây là ngã pháp, chẳng phải ông có. Ngã pháp là tâm chúng sinh. Vì chẳng biết chẳng tin nên tự trở thành xa lạ, có cũng như

không. Do đó Tổ sư từ Tây Thiên đến chỉ vì dạy cho chúng sinh tự biết mình có, vào ngay nguồn chân phàm Thánh bình đẳng.

*Kinh Thánh Thiên Vương Bát-nhã* nói: “Bồ-tát ma-ha-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật được tâm vi tế, suy nghĩ thế gian là đồng lửa lớn hừng hực, đó là lửa tham dục, khói giận dữ, tối ngu si, làm thế nào khiến cho chúng sinh được ra khỏi ? Nếu có thể thông đạt các pháp bình đẳng gọi là ra khỏi. Như thật biết các pháp như huyền tướng, khéo quán nhân duyên mà không phân biệt. Thế nên muốn bỏ điều dở lấy điều hay, chán cái dị thích cái đồng, muốn cho phàm Thánh cấu tịnh một bậc bình đẳng điều này không thể có”. Chỉ cần rõ Tông Cảnh, vạn pháp tự bình đẳng, là nghĩa rớt ráo ra khỏi nhà lửa tam giới, cũng là nghĩa cùng với các người con đồng trụ Bí mật tạng. Như nói lấy sự san bằng mà san bằng cái không bằng là chưa san bằng; lấy sự san bằng mà san bằng ở chỗ bằng là chưa san bằng. Ta nghe nói kẻ khéo san bằng thiên hạ là dùng sự không san bằng mà san bằng thiên hạ, đâu cần san núi lấp vực rồi mới bằng phẳng, nối cổ vịt cắt cổ hạc như thế mới đồng. Cho nên chỉ cần rõ biết các pháp đều như, tự nhiên bình đẳng thì từng xanh huệ biếc không thấy dài ngắn, chim bay ruồi liệng tự quên lớn nhỏ.

Như *Triệu Luận* ghi: “Thế nên kinh nói các pháp không khác biệt, đâu cho rằng nối cổ vịt, cắt cổ hạc, san núi lấp vực rồi sau mới đồng ? Thật ra vì không khác biệt ở nơi khác biệt, tuy khác biệt mà không khác biệt. Kinh nói: “Bát-nhã cùng các pháp cũng chẳng phải nhất tướng, cũng chẳng phải dị tướng”. Tin được chứ ?”.

*Nam Hoa kinh* của Trang Tử nói: “Dài là không phải có dư, ngắn là không phải chẳng đủ”. Cho nên cổ vịt tuy ngắn, nối dài thêm thì lo, cổ hạc tuy dài, cắt ngắn bớt thì thương, cho nên tính dài chẳng phải cắt bớt, tính ngắn chẳng phải nối thêm, để thuyết minh cảnh trí tuy khác mà đồng, không chờ đồng rồi sau mới đồng. Nếu có thể liễu đạt hai môn đồng dị trên, việc chư Phật xuất thế hay không xuất thế, việc độ chúng sinh hay không độ chúng sinh, cho đến có không cao thấp, đều dứt hết nghi ngờ. Nếu chấp đồng thì trệ

tịch, nếu chấp dị thì chia hai. Mê hai môn đồng dị này thì trí không tự tại.

*Kim Cương Biện Tông* ghi: “Vì có gương nên hình tượng nam nữ hiện trong đó. Vì có pháp thân mà có thể ứng hiện khắp nơi. Chỉ vì trong gương vốn không có hình ảnh nên mới hiện hình ảnh nam nữ. Thân Phật vốn không thân nên mới hiện tất cả thân. Chúng sinh cơ cảm, vô duyên từ hồn nhiên hay ứng. Nếu nhất định có thân là có chướng ngại”.

*Triệu Luận* nói: “Thật chẳng phải trời, chẳng phải người, mà hay làm trời, hay làm người. Cho nên tất cả Bồ-tát đều lấy vô sở đắc làm phương tiện, có thể vào trong vô lượng vô biên trần lao huyễn hóa, vì ngoài tâm không pháp, mới thành trí huệ vô sở đắc. Nếu ngoài tâm có một chút sở đắc thì làm sao thành vô duyên từ và đồng thể hóa độ? Vì Tông Cảnh sáng tỏ nên có thể soi khắp thế gian. Quán sinh như cô gái đã mang thai, quán trụ như bóng nắng, quán dị như mây nổi, quán tử như hoa đốm hư không. Thế nên thâm đạt vô sinh, biết là vô ngã, uổng sinh uổng diệt, huyễn đọa huyễn thăng, thương họ ngu mê không có con mắt trí tuệ liền phát trí vô đắc, mở cửa vô xả, giữ giới tâm tự tính không, đầy đủ sự tinh tiến vô sở khởi, tròn đầy pháp nhẫn vô sở hại, tu thiền môn vô sở trụ, biết rõ không có thân mà tướng hảo trang nghiêm, thông đạt không nói mà ngang dọc biện thuyết, dạo chơi thế giới tính không, kiến lập đạo tràng trắng đáy nước, bày các môn cúng dường như huyễn, cúng dường Như Lai bóng vang, tu tập vạn hạnh không hoa, thực hành độ môn huyễn hóa, hàng phục ma quân trong gương, làm nhiều Phật sự trong mộng, rộng độ hàm thức như hóa, đồng chúng bồ-đề tịch diệt.

Hỏi: Chân tâm tuyệt đãi vốn không danh tướng, tại sao thành Phật còn làm loài khác, nếu cho rằng tùy thuận thế pháp mà lập giả danh này, vậy thì nhờ pháp gì mà được thành lập?

Đáp: Trong lý thật tế vốn không có phàm Thánh để được. Vì chúng sinh mê lý vô tính nên bất giác khai vọng, ở trong chân

không vọng lập danh tướng nên gọi là phàm. Rõ biết danh tướng là không nên gọi là Thánh. Danh hiệu phàm Thánh do năm pháp tạo thành như huyền hóa, danh tướng chẳng phải chân. Và lại, huyền do thuật mà thành, hình bởi nghiệp mà có. Thuật nghiệp đều giả, hình huyền rỗng không, đều có tên gọi mê ngộ, vốn không có thể Thánh phàm.

Năm pháp, *luận Du-Già* nói: Một là danh, hai là tướng, ba là vọng tướng, bốn là chính trí, năm là chân như. Người xưa giải thích: Ba pháp danh, tướng, vọng tướng thành phàm; hai pháp chính trí, chân như thành Thánh. Danh, tướng, vọng tướng là pháp phàm phu. Hai pháp danh, tướng là cảnh phàm phu, một pháp vọng tướng là thức thứ sáu của phàm phu. Mê sự duyên cảnh mà khởi nên gọi là vọng tướng. Kinh có kệ:

*Chẳng rõ tâm và cảnh  
Ắt sinh hai vọng tướng.*

Chính trí, chân như là pháp Thánh nhân. Chính trí là kim cương đối trị của Thánh nhân, là trí duyên tu vô lậu dứt hoặc, còn gọi là trí năng giác. Chân như là lý sở chứng trong tâm Thánh nhân. Chân như là thể, chính trí là dụng. Khác mà chưa từng khác, đồng mà chưa từng đồng. Đồng là chân như, khác là chính trí. Chính trí thường dụng nên chương sinh diệt. Chân như thường thể nên không sinh diệt. Thể dụng vô ngại, pháp giới bất tư nghì là nghĩa chân thật.

Lại vì tâm phàm phu mê muội, chẳng rõ danh tướng vốn không, vọng chấp là có, mê có gọi đó là vọng. Từ vọng khởi tâm gọi đó là tướng.

Chính trí là biết rõ danh tướng vốn không tịch, vì biết không nên vọng tướng tự dứt. Dứt vọng quy chân hiển lý phân minh, chính trí hiện tiền chẳng lập danh tướng cho nên gọi là chính trí. Kinh có kệ:

*Rõ tâm và cảnh giới  
Vọng tướng không còn sinh.*

Chân như, vì chính trí này tức là tâm tính chân thật nên gọi là chân như. Cho nên biết chỉ ở trong một pháp không chấp có thành phàm, thông đạt cái có vốn không thì thành Thánh. Không chỉ năm pháp mà đến Hằng sa nghĩa phát xuất vô biên, chân lý luôn chỉ một đạo. Con đường duy tâm này chính là chỗ Như Lai đi, vì bước bước giảm trên pháp không, cũng là chỗ của đại thừa vì niệm niệm vô sở đắc.

*Kinh Trì Thế* ghi: “Phật dạy: Này các thiện nam. Thế nên ta nói tất cả pháp là chỗ Như Lai thực hành. Chỗ Như Lai thực hành là chỗ vô hành. Vì sao ? Chỗ thực hành tất cả pháp, trong đó không có pháp để thực hành, cho nên gọi là chỗ vô hành”.

*Kinh Văn-Thù Hối Quá* ghi: “Văn-thù-sur-lợi nói: Ngày xưa ta trông mong các pháp, cầu không nơi chốn, dạo chơi chốn an nhàn, cho rằng tri túc thiếu dục là được, mà không biết được tất cả pháp không, tâm không dính mắc. Đây có thể gọi là nơi vắng lặng ngồi an trụ nơi pháp giới”.

Giải thích: Nếu thấu rõ nhân pháp đều không, thấy chân duy thức tính thì thường ở nơi tam-muội trụ chân pháp giới.

Hỏi: Tại sao nói vào Tông Cảnh một niệm tương ưng, thấy đạo nhanh chóng, vượt qua kiếp lượng ?

Đáp: Thật có lý này, thế gian cũng có thể biết! Nếu ngay đó chẳng đốn ngộ tự tâm công đức viên mãn mà ngoài tâm vọng cầu thì uổng công trải qua kiếp số. Nếu có thể nội chiếu như thuyền thuận gió thì nhất niệm viên thành mọi việc làm không trệ ngại. Như *kinh Đại Niết-bàn* ghi: “Như người muốn qua biển cả bằng thuyền, nếu thuận gió thì trong chốc lát có thể đi vô lượng do-tuần; còn không thuận gió thì dù trải qua nhiều năm cũng chưa rời khỏi chỗ cũ, đến khi thuyền hư mục thì bị chết chìm. Chúng sinh cũng thế ở trong biển cả ngu si sinh tử cuội trên chiếc thuyền vạn hạnh, nếu gặp được gió mạnh thổi xuôi Đại Bát niết-bàn thì có thể nhanh chóng đến bờ vô thượng đạo. Nếu không gặp gió thuận thì phải mãi lưu chuyển vô lượng sinh tử. Hoặc có khi phá hoại bị đọa vào địa

ngục, súc sinh, ngựa quý. Cho nên biết không gặp gió Tông Cảnh, chiếc thuyền hữu vi hạnh không thể chống chọi lại cơn sóng sinh tử, dễ tiến thẳng đến bờ niết-bàn. Có được sự lợi ích to lớn mà không nhọc công này, xin dặn dò kẻ hậu học hãy trao truyền cho nhau!

*Kinh Pháp Cú* nói: “Thiện tri thức là người có công đức lớn, có thể khiến cho các ông ở trong tham dục, sân khuê, ngu si, tà kiến, ngũ dục, ngũ cái, trần lao v.v... kiến lập Phật pháp, chẳng khởi nhất tâm được công đức lớn. Ví như có người giữ gìn chiếc thuyền bền chắc vượt qua biển cả, không động thân tâm mà đến bờ kia”. Cho nên biết vào Tông Cảnh tức phàm, tức Thánh, có thể gọi là chẳng đoạn phiền não mà vào niết-bàn, chẳng đoạn ngũ dục mà thanh tịnh các căn.

Do đó *luận Hoa Nghiêm* ghi: “Thập Trụ sơ vị lấy vô tác tam-muội tự thể ứng chân, phiền não khách trần vốn không thể tính, chỉ có thể dụng chân thật không có tham sân si, hồn nhiên tức Phật, cho nên một niệm tương ưng một niệm là Phật, một ngày tương ưng một ngày là Phật.

Trong Tông Cảnh Lục trước sau từng li từng tí chỉ dạy rõ ràng, thấy thì liền thấy, không nhờ đến ý thức. Khi vừa tín nhập, lý hạnh đầy đủ, hoàn toàn không còn có ác hạnh cũng như may mắn nghi ngờ. Nếu không được như thế thì đâu gọi là viên đôn, vì biết rõ ngoài tâm không cảnh, niệm niệm trở về tông, làm gì có hư huyền làm cho mê hoặc. Vì thế *luận Bảo Tạng* nói: “Tất cả như huyền, huyền này không thật. Biết huyền là huyền, gìn giữ cái chân nhất”.

Như học nhân hỏi hòa thượng Đại Mai<sup>1</sup>: Sư thường nói thần tính độc lập, học nhân không hiểu xin sư chỉ dạy.

Đáp: Ai dạy ông hỏi thế ?

Hỏi: Phải chăng lại là người hỏi ?

Đáp: Nếu chẳng phải thì ai có thể hỏi như thế ?

Hỏi: Thần tính chẳng phải là thanh sắc, chỗ thị vấn của sư là thần tính, học nhân chỉ biết được thanh sắc mà không biết chân tính, xin sư chỉ dạy làm sao biết được ?

Đáp: Ví như trong kho báu lớn đầy đủ của báu, người có nhiều phước đức thấy liền lấy được bảo châu, còn kẻ kém phước đức chỉ thấy là đồng sắt. Chẳng phải là trong kho không có của báu, cũng chẳng phải chủ kho không cho lấy. Nay ta nói với ông rằng tính chẳng phải thanh sắc, nhưng ông lại chỉ thấy thanh sắc, chẳng phải lỗi của ta. Ông biết chăng ? Thần tính này lửa không thể thiêu cháy, nước không thể nhấn chìm, trong giây lát có thể đến nghìn dặm, núi sông vách đá không thể chướng ngại. Nay ông nhưng mày chớp mắt, khảy ngón tay, ho khạc, hỏi đáp v.v... đều là tính này, gọi là đại đạo thường ở trước mắt. Tuy ở trước mắt mà khó thấy. Nếu ông nghi hoặc không chịu tin nhận, pháp pháp đọa ác đọa. Nếu là bậc thượng căn nghe lời nói liền lĩnh hội, không còn làm các điều ác, gọi là một phen nhận được chẳng thoái chuyển, thường tịch nhiên. Bậc trung căn gần gũi thiện tri thức, được gần người trí luôn nghe thuyết pháp, chẳng bao lâu sẽ lĩnh hội. Còn hàng hạ căn, dù thuyết pháp nghìn lần muôn lần cũng chẳng lĩnh hội, nhưng nhớ được chút ít như hạt châu trong vải rách, bước ra cửa bị rơi mất, ông biết chăng ? Phật đạo không xa xôi, chỉ cần hồi tâm là Phật đạo. Nếu ngộ thì trong sát-na, còn không ngộ thì Hằng sa kiếp.

Hỏi: Con đường nhất tâm thành Phật này có phải trải qua địa vị tu chứng không ?

Đáp: Chân tâm vô trụ này thật ra không thể tu, không thể chứng, không thể đắc. Vì sao ? Vì không phải quả để chấp thủ nên không thể chứng; vì không phải pháp để chấp trước nên không thể đắc; vì không phải pháp tạo tác nên không thể tu; vì bản tịnh, pháp nhĩ tự nhiên thành.

Nếu luận về địa vị thì các hạnh thuộc tục đế cũng không mất lý, vì trong chỗ không địa vị luận về địa vị không thể khởi cái chấp quyết định hữu vô. Kinh nói về Thập Địa sai biệt như dấu chim

trong hư không. Nếu là môn chân như viên dung tịch diệt làm gì có thứ lớp; nếu là môn hành bố đối trị tập khí thì thăng tiến chắc chắn phải có.

Lại giai vị nhiễm tịnh đều y theo danh tự thể tục mà phân biệt thì tựa như phân giai cấp mà chẳng hoại nhất tâm. Ví như địa vị chúng sinh như món đồ bằng đất, địa vị Bồ-tát như món đồ bằng bạc, địa vị Phật như món đồ bằng vàng. Những món đồ bằng đất, bạc, vàng tuy khác nhưng hư không chứa trong trong mỗi món đồ ấy bình đẳng không có sai biệt. Hư không dụ cho lý nhất tâm pháp thân bình đẳng, các món đồ dụ cho căn khí địa vị cao thấp bất đồng. Đạo vốn không sai, tùy hạnh có khác. Nếu luận về hạnh giải đốn tiệm bất đồng, hiện hành phiền não có cạn sâu, huân nhiễm lập khi có dày mỏng, không thể xưa nay vẫn thế mà là tại đương nhân, nghiệp nhẹ thì dễ tu, chướng sâu thì khó dứt. Chẳng hạn như lên Bồ-tát Bát Địa trực tiếp chứng vô sinh pháp nhẫn, quán tất cả pháp như tính hư không, đây vẫn là tiệm chứng vô tâm. Cho đến Thập Địa vẫn còn hai thứ ngu. Vào địa vị Đẳng Giác một phần vô minh chưa hết dường như vi trần vẫn phải sám hối.

Lại nếu chưa tự tại trong tam-ma-địa, không tin ngoài tâm không pháp, như kẻ bị nhắm mắt không tin rằng trong hư không thật sự không có hoa đóm; dùng trí phân biệt chạy theo cảnh bên ngoài, không dừng lại chỗ của chính mình.

*Kinh Thủ Lăng Nghiêm* ghi: “Mười phương Như Lai và Đại Bồ-tát tự trụ trong tam-ma-địa kiến và kiến duyên và tướng sở tướng như hoa đóm trong hư không vốn không có. Đại Bồ-tát là hàng Bát Địa trở lên. Nếu Bồ-tát Bát Địa còn thấy tịnh độ ở ngoài tâm, dùng trí duyên lý không gọi là tự tại. Bồ-tát Thập Địa tuy không thấy cảnh ở ngoài tâm, song vẫn còn hai tập khí sắc tâm, thế nên có bài tụng:

*Chỉ Phật là người giữ tịnh giới  
Còn lại đều là kẻ phá giới.*

Cho nên biết nếu vào trong môn nhất thừa cứu cánh Tông Cảnh mới gọi là trì giới, mới gọi là kiến đạo.

Vả lại, tri kiến có bốn thứ:

1- Biết mà không thấy, từ Sơ Địa đến Cửu Địa.

2- Thấy mà không biết, tức là Thập Địa.

3- Cũng thấy cũng biết, chỉ có Phật.

4- Không thấy không biết, các loài khác trước Sơ Địa.

Nếu được ngay đó vô tâm, sự suy xét vượt ngoài hư không, đâu cần phải từng bậc như khi chưa đến hợp vô tâm. Một niệm có sai biệt thì cần phải dùng Phật tri kiến trị nó, sau đó dùng ngũ nhãn<sup>2</sup> làm rõ chỗ chính tu, lục tức chọn lọc bớt cực đoan thì tránh khỏi rơi vào tăng thượng mạn, rốt ráo viên mãn Phật thừa. Nếu vào Tông Cảnh thì là phổ cơ Bồ-tát thừa, bất tư nghi thừa y pháp phổ môn một vị tất cả vị, như Thiên Tài một đời có đủ năm ngôi vị đều là phổ pháp tương thân, đây là Phổ Hiền cơ. Thấy tất cả, nghe tất cả là Phổ Nhãn cảnh. Phổ pháp tương thân, vì ngoài tâm không pháp nên gọi là phổ, tất cả hạnh vị đều ở trong tâm đâu chẳng phải tương thân? Đối với môn hành bố đường như chia sâu cạn.

*Huyền Nghĩa Cách* ghi: “Bốn mươi hai ngôi vị trong viên giáo cùng một chân lý. Đứng về trí mà luận thì phân sáng tối nhưng thái hư chỉ có một. Mặt trời vận hành nơi hư không có đủ buổi trưa buổi sáng. Viên giáo lên ngôi Thập trụ như thuyền vào biển cả, như mặt trời giữa hư không, trí đều vô tác, hạnh cũng vô vi, nhiệm vận đạo phong tự nhiên tăng tiến”.

*Chỉ Quán* nói: “Vào chính tông của Phật khỏi rơi vào tà đạo. Người mới phát viên tín cần phải biết rõ mười pháp quán: Một là quán cảnh bất tư nghi, hai là phát tâm bồ-đề chân chính, ba là khéo an trú chỉ quán, bốn là phá các pháp khắp nơi, năm là khéo biết thông tắc, sáu là ba mươi bảy phẩm điều thích, bảy là đối trị trợ khai, tám là khéo biết thứ lớp, chín là an nhẫn với hai thứ giặc mạnh yếu, mười là thuận theo đạo pháp, ái dục không sinh. Không

thái quá như thế mới vào viên thừa, một niệm tín giải ban đầu có thể thành ngữ”.

*Thiên Thai giáo* ghi: “Nếu người đã từng trồng căn lành sâu dày từ trước, hoặc gặp thiện tri thức, hoặc được nghe diệu lý từ kinh quyền, nghĩa là một pháp tất cả pháp, tất cả pháp một pháp, chẳng phải một, chẳng phải tất cả, bất khả tư nghì, khởi tín giải trọn vẹn tin trong nhất tâm đầy đủ mười pháp giới như một hạt bụi nhỏ có chứa cả nghìn quyển kinh, muốn thấy tâm này mà tu viên hạnh. Viên hạnh là một hạnh tất cả hạnh nói đại lược là mười, nghĩa là biết một niệm tâm bình đẳng đầy đủ bất khả tư nghì. Thương mình hôn trầm và từ bi với tất cả. Lại biết tâm này thường tịch thường chiếu, dùng tâm tịch chiếu phá tất cả pháp tức không, tức giả, tức trung. Lại biết một tâm các tâm hoặc thông hoặc bí, hay ở nơi tâm này đầy đủ đạo phẩm, được con đường bồ-đề. Lại hiểu biết pháp chính trụ của tâm này. Lại biết tâm mình và tâm phàm Thánh. Lại để tâm không động, không đọa, không thoái, không tán. Tuy biết nhất tâm có vô lượng công đức mà không sinh nhiễm trước, đó là nói đại lược về mười tâm thành tựu. Tâm này luôn luôn cùng với các ba-la-mật tương ưng, đây gọi là phẩm tùy hỷ ban đầu của Viên giáo. Từ đây tu đủ mười pháp, được vào Viên giáo. Sơ phát tâm trụ phần chân tức trung, phát tâm ban đầu và cuối cùng rốt ráo không khác bởi hạnh vị đều được ba điều không thoái chuyển”.

*Thiên Thai giáo* dạy người chỉ trụ nơi đây, rồi sau đó thẳng đến Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng giác và Diệu giác, dùng trí tuệ thẳng tiến tự động không dụng công, niệm niệm viên mãn vô thượng bồ-đề.

Lại còn giải thích thêm về cảnh bất khả tư nghì, như *kinh Hoa Nghiêm* có bài tụng :

*Tâm như người họa sĩ  
Vẽ ra năm thứ ấm  
Mọi việc trong thế gian  
Đều do tâm tạo tác.*

Năm âm là năm âm mười pháp giới. Pháp giới có ba nghĩa. Số mười là năng y, pháp giới là sở y. Năng sở gọi chung là mười pháp giới. Lại mười pháp này mỗi một nhân, mỗi một quả không lẫn lộn nhau nên nói là mười pháp giới. Lại mười pháp này mỗi một đương thể là pháp giới nên nói là mười pháp giới. Mười pháp giới gọi chung là âm, nhập, giới. Thật ra bất đồng, tam đồ là âm giới nhập hữu lậu ác, tam thiện là âm giới nhập hữu lậu thiện, nhị thừa là âm giới nhập vô lậu hữu lậu, Bồ-tát là âm giới nhập vừa hữu lậu vừa vô lậu, Phật là âm giới nhập phi hữu lậu phi vô lậu. *Thích luận* nói: “Pháp vô thượng là niết-bàn, là pháp phi hữu lậu phi vô lậu”.

*Kinh Vô Lượng Nghĩa* nói: “Phật không có chín thứ âm giới nhập trước, chỉ có một âm giới nhập niết-bàn thường trụ”.

*Đại kinh* nói: “Do vì diệt trừ sắc vô thường mà được thường sắc; thọ tướng hành thức cũng như thế. Thường lạc chồng chất là nghĩa tích tụ. Từ bi che phủ là nghĩa âm. Vì mười thứ âm giới bất đồng nên gọi là năm âm thế gian. Ôm lấy năm âm gọi chung là chúng sinh. Chúng sinh bất đồng, nếu ôm lấy tam đồ âm là chúng sinh tội khổ; nếu ôm lấy nhân thiên âm là chúng sinh thọ lạc; nếu ôm lấy vô lậu âm là chúng sinh chân Thánh; nếu ôm lấy từ bi âm là chúng sinh đại sĩ; nếu ôm lấy thường trụ âm là chúng sinh tối tôn”.

*Đại Luận* nói: “Chúng sinh vô thượng là Phật đâu đồng với phàm phu”.

*Đại kinh* nói: “Lúc thiếu thời tên gọi khác, lúc tuổi già tên gọi khác, lúc nẩy mầm tên gọi khác, cho đến lúc kết quả tên gọi khác. Căn cứ vào một kỳ hạn có mười thời sai biệt, huống là mười loại chúng sinh đâu thể không khác, cho nên gọi là chúng sinh thế gian. Mười chỗ ở gọi chung là quốc độ thế gian. Địa ngục trụ nơi sắt đỏ; súc sinh trụ nơi đất, nước, hư không; tu-la trụ nơi bờ biển, đáy biển; người trụ nơi đất; trời trụ nơi cung điện, Bồ-tát lục độ giống con người cùng trụ nơi đất; Bồ-tát Thông giáo phiền não chưa hết cùng trụ nơi nhân thiên; bậc đã dứt hết phiền não thì trụ nơi tịnh độ; Bồ-tát Biệt giáo, Viên giáo chưa hết phiền não cùng trụ nơi phương

tiện nhân thiên v.v. , bậc đã dứt hết phiền não thì trụ nơi thật báo độ; Như Lai trụ nơi thường tịch quang độ”. *Kinh Nhân Vương* có kê:

*Tam hiện thập Thánh trụ quả báo  
Chỉ có đức Phật ở Tịnh độ.*

Vì tịnh độ bất đồng nên gọi là quốc độ thế gian. Ba mươi loại thế gian này đều do tâm tạo. Lại mười loại ngũ âm, mỗi loại đều có mười pháp, nghĩa là tướng, tính, thể, lực, tác, nhân duyên, quả báo, bản mạt, cứu cánh v.v... đây là mười như.

Ngũ âm thế gian, chúng sinh thế gian, quốc độ thế gian, là ba thứ thế gian. Nhất tâm đầy đủ mười pháp giới. Một pháp giới lại có mười pháp giới, là một trăm pháp giới. Một pháp giới có ba mươi thứ thế gian, một trăm pháp giới có ba nghìn thứ thế gian. Ba nghìn thế gian này ở tại một niệm tâm. Nếu vô tâm thì thôi, còn nếu có tâm thì đủ ba nghìn thứ thế gian, cũng không nói nhất tâm ở trước, tất cả pháp ở sau; cũng không nói tất cả pháp ở trước, nhất tâm ở sau. Ví như tám tướng biến đổi vật, vật ở trước tướng vật chẳng bị biến đổi, tướng ở trước vật tướng cũng chẳng bị biến đổi. Trước cũng không được, sau cũng không được, chỉ có vật luận về tướng thay đổi, chỉ có tướng thay đổi luận về vật. Nay tâm cũng như thế; nếu từ nhất tâm sinh ra tất cả pháp, đây là dọc; nếu tâm một lúc hàm chứa tất cả pháp, đây là ngang. Dọc cũng không được, ngang cũng không được. Chỉ tâm là tất cả pháp, tất cả pháp là tâm, cho nên chẳng phải dọc, chẳng phải ngang, chẳng phải một, chẳng phải khác, huyền diệu sâu sắc, thức không thể biết được, chẳng phải lời không thể nói được nên gọi là cảnh bất khả tư nghì. Ý nghĩa tại nơi đây, đã tự liễu đạt nhất tâm cảnh bất tư nghì liền khởi đồng thể đại bi, phát tâm bồ-đề chân chính, chín pháp quán ở sau cũng đã thành thực.

*Luận Hoa Nghiêm* ghi: “Như trong tam thừa cũng nói đến căn bản trí và hậu đắc trí, nay muốn hàng Tam thừa hồi tâm, chỉ cho họ thấy thế giới kim sắc bất động trí Phật, khiến họ trực nhận tự tâm năng phân biệt trí vốn không động. Văn-thù-sur-lợi là diệu huệ vô

tướng do tự tâm khéo chọn lựa. Bồ-tát Giác Thủ, Mục Thủ v.v... là lý trí được thấy trong tự tâm tùy tín giải. Như thế hàng tam thừa chưa hồi tâm, quyết định chẳng tin, vì sao ? Vì cho rằng sau ba a-tăng-kỳ kiếp mới được thành Phật, tự cho thân tâm mình là phàm phu. Chỉ tin Phật có bất động trí v.v... mà chẳng tin tự tâm là căn bản bất động trí Phật cùng với Phật không khác. Do nghĩa này nên trong giáo nói về pháp giới lấy căn bản trí làm tín tâm. Tín tâm trong kinh này phải nên trực tín như thế, tính phân biệt của tự tâm là căn bản bất động trí Phật trong pháp giới tính. Thế giới kim sắc là lý vô nhiễm của tự tâm. Văn-thù-sư-lợi là diệu huệ khéo lựa chọn của tự tâm. Bồ-tát Giác Thủ, Mục Thủ v.v... là lý trí hiện tiền trong tùy tín tâm. Vì tin trong nhân khéo hợp với quả Phật, pháp phần mảy may không sai, mới thành tín tâm. Từ tín tâm này dùng định tuệ tiến tu, trải qua Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Thập Nhị Địa. Ngày tháng năm thời kiếp vẫn không thay đổi, pháp giới cũng vậy, bất động trí Phật vẫn như cũ, mà thành tựu biến nhất thiết chủng trí, giáo hóa chúng sinh, nhân quả không dời, thời kiếp chẳng đổi, mới thành tín tâm. Nếu lập ra tăng-kỳ quyết định thân mình là phàm phu thì phàm Thánh hai đường, thời kiếp đổi dời, ngoài tâm có Phật, không thành tín tâm”.

*Kinh Viên Giác* ghi: “Bồ-tát Kim Cương Tạng bạch Phật: Bạch Thế Tôn, nếu các chúng sinh xưa nay thành Phật, vì sao lại có vô minh ? Nếu chúng sinh vốn có vô minh vì sao Như Lai lại nói xưa nay thành Phật ? Mười phương dị sinh vốn thành Phật đạo sau đó khởi vô minh, Như Lai khi nào lại sinh ra phiền não ? Cúi mong Như Lai từ bi mở kho bí mật cho các Bồ-tát”... Phật dạy: Thiện nam, tất cả thế giới trước sau sinh diệt, trước sau có không hợp tan đi đứng, niệm niệm nối tiếp tuần hoàn qua lại, các thứ thủ xả đều là luân hồi. Chưa ra khỏi luân hồi mà biện viên giác thì tính viên giác kia tức đồng lưu chuyển. Nếu không bị luân hồi, điều ấy không bao giờ có! Ví như mây bay trắng chuyển, thuyền chạy bờ dời; cũng như thế, thiện nam, sự xoay vần chưa dứt thì các vật kia không thể dừng

lại, huống là tâm cấu uế luân hồi sinh tử chưa thanh tịnh thì quán viên giác Phật không trọn vẹn, thế nên các ông liền sinh ra ba thứ hoặc. Thiện nam, ví như con mắt bị bệnh thấy hoa đốm trước mặt, nếu bệnh mắt hết thì không thể nói rằng bệnh mắt này đã hết lúc nào khởi trở lại, vì sao ? Vì mắt bệnh và hoa đốm chẳng phải đôi đũa nhau. Cũng như lúc hoa đốm diệt rồi không thể bảo khi nào hoa đốm khởi lại, vì sao ? Vì hư không vốn không có hoa đốm. Sinh tử niết-bàn cùng theo sinh diệt, diệu giác viên chiếu lìa hoa đốm và bệnh mắt. Thiện nam, nên biết hư không chẳng phải tạm có, cũng chẳng phải tạm không; huống chi viên giác Như Lai tùy thuận như hư không bản tính bình đẳng. Thiện nam, ví như nấu chảy quặng vàng, vàng chẳng phải do nấu chảy mà có, đã thành vàng rồi thì không thể trở lại thành quặng. Trải qua bao nhiêu kiếp tính vàng bất hoại, không nên nói rằng vốn chẳng phải thành tự. Viên giác Như Lai cũng như thế, cho nên biết viên giác diệu tâm như tính hư không, sinh tử niết-bàn là tướng hoa đốm trong hư không. Mắt bệnh thấy sinh diệt, chân tính đâu từng có không, như quặng chứa vàng, vàng chẳng phải do quặng mà có, lại chẳng phải nấu chảy mà được. Lúc mê như vàng chưa luyện, khi ngộ như đã thành vàng báu. Vàng thật bất động, như sạch tự phân, diệu tính không khuyết, mê ngộ tự được”.

Do đó kinh *Bát Tư Nghì Phật Cảnh Giới* ghi: “Bấy giờ, Tu-bồ-đề lại hỏi: Đại sĩ, ông quyết định ở địa nào ? Thanh văn địa hay Bích-chi Phật địa hay Phật địa ? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói: Đại đức ngài nên biết tôi quyết định trụ tất cả địa. Tu-bồ-đề nói: Đại sĩ, ông cũng có quyết định trụ phạm phu địa chẳng ? Đáp: Đúng vậy! Vì sao ? Tất cả các pháp cho đến chúng sinh, tính nó chính là quyết định chính vị. Tôi thường trụ nơi chính vị này, cho nên tôi nói quyết định trụ phạm phu địa. Tu-bồ-đề lại hỏi: Nếu tất cả pháp cho đến chúng sinh là quyết định chính vị thì tại sao kiến lập các địa sai biệt như phạm phu địa, Bích-chi Phật địa, Phật địa ? Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi nói: Đại đức, ví như ở thế gian lập ra mười phương trong hư không,

đây là phương đông, đây là phương tây, cho đến đây là phương trên, đây là phương dưới. Tuy hư không không sai biệt mà các phương lại có sai biệt. Đây cũng như thế, Như Lai ở trong tất cả pháp quyết định chính vị dùng phương tiện khéo léo lập ra các địa, đó là phàm phu địa, Thanh văn địa, Bích-chi Phật địa, Bồ-tát địa, Phật địa. Tuy chính vị không sai biệt nhưng các địa có sai biệt”.

Do đó *Thiên Thai giáo* nói: “Bốn giáo như bốn điểm trong hư không. Bốn điểm tuy rõ ràng song chẳng phá hoại tính hư không. Nhưng địa vị này đến địa vị cứu cánh hoặc lý hoặc hạnh mới có thể cùng tận”.

Như *kinh Bồ-tát Anh Lạc Bản Nghiệp* ghi: “Phật tử, địa thứ bốn mươi hai gọi là tịch diệt tâm diệu giác địa một tướng thường trụ, lặng lẽ vô cùng như hư không. Nhất thiết chủng trí chiếu soi đạt được vô sinh, đạo lý trước sau chỉ có Phật cùng tận. Chúng sinh căn bản có trước có sau, Phật cũng chiếu soi tất cả, cho đến tất cả phiền não, tất cả quả báo chúng sinh, chỉ một niệm tâm của Phật đo lường hết tất cả Phật quốc, tất cả Phật nhân, tất cả thân biến của Bồ-tát cũng do nhất niệm nhất thời biết, trụ ngoài hai đế bất khả tư nghì, riêng ở nơi không hai, là trước biết được tông bản rồi sau mới tinh luyện. Trong lúc tinh luyện không mất gốc đạo như khéo luyện kim không thất thoát phân lượng. Trong viên giáo, tiệm giáo sự lên xuống đâu thể không có, từ hữu vi đến vô vi, do sinh nhân mà thành pháp nhân. Viên dung chẳng hoại hành bố, nếu hoại thì mất đi sự của toàn lý. Hành bố chẳng ngại viên dung, nếu ngại thì mất đi lý của toàn sự. Nhưng lý sự nhất tế, nhân quả đồng thời, căn cơ hời hợt và thuần thực dường như phân chia, tâm ban đầu và sau rốt không lẫn lộn, thẳng đến Diệu giác như lúc trăng tròn, tận cùng nhân môn mới khế hợp quả hải.

*Kinh Hoa Nghiêm* ghi: “Này Phật tử, ví như đi thuyền muốn vào biển cả, chưa đến biển cả thì dụng công rất nhiều. Khi đến biển rồi chỉ cần gió đưa đẩy, không nhờ đến sức người. Đến biển cả thì đi một ngày vẫn hơn trải qua trăm năm khi chưa đến biển. Này Phật

tử, Đại Bồ-tát cũng như thế, chứa nhóm nhiều tư lương thiện căn, dong thuyền Đại thừa đến biển Bồ-tát hạnh, trong một niệm dùng vô công dụng trí vào cảnh giới nhất thiết trí trí. Nếu có công dụng hạnh trải qua trăm nghìn ức na-do-tha kiếp cũng không thể sánh bằng”.

Hỏi: Khi vào thật quán, một pháp cũng không còn, tại sao nói đến mười pháp ?

Đáp: Vào thật quán là quán chỗ chân thật của các pháp. Một pháp đã thật thì muôn pháp đều thế, một thật tất cả đều thật. Như biết tính của mật là ngọt thì tất cả mật đều ngọt. Như thế không cần nhiều quán môn, chỉ cần thấu rõ một pháp bất tư nghi thì tự nhiên khắp cả pháp giới đều cùng ý chỉ này. Bậc đại căn một khi nhìn thấy thì bao la không sót, như thầy thuốc giỏi trị bệnh thấy trẻ con múa mà các bệnh tiêu trừ, nghe lời nói mà bệnh tự khỏi thì cần gì chẩn mạch và chờ kê đơn thuốc.

Lại như thầy thuốc bậc thượng lấy món chẳng phải thuốc làm thuốc, thầy thuốc bậc trung lấy thuốc làm thuốc, thầy thuốc bậc hạ sử dụng thuốc làm chẳng phải thuốc.

- Lấy món chẳng phải thuốc làm thuốc, như nói không có vật gì chẳng phải là thuốc, nắm lấy cỏ đều thành thuốc đâu nói rằng là thuốc hay chẳng phải thuốc. Như thực hành phi đạo mà thông Phật đạo, tức phiền não mà thành bồ-đề, tất cả thế pháp đều là Phật pháp.

- Lấy thuốc làm thuốc, là tùy bệnh cho thuốc, mát tay bệnh hết, phụ tử trị phong, quất bì tiêu khí v.v... Như xem căn cơ mà trao pháp không để mất thì gian, người nhiều vọng tưởng thì tu số tức quán, kẻ nhiều dâm dục thì tu bất tịnh quán v.v...

- Sử dụng thuốc thành chẳng phải thuốc, là không rõ căn nguyên bệnh trở lại làm tăng thêm bệnh, như thuyết pháp không hợp cơ; người căn cơ nông cạn sinh lòng phỉ báng, kẻ kém cỏi nghe qua cười ngất. Đề-hồ thượng vị là món ăn quý hiếm ở thế gian gặp phải những người này biến thành độc dược. Như bậc thượng thượng

căn liền ngộ tông này không chờ nói năng. Thế nên bậc Thánh xưa nói: Bậc thượng sĩ xem thơ của ta cười đắc ý, Dương Tu vừa thấy phụ nữ trẻ biết là đẹp, hoặc có người bị nghiệp chướng sâu dày che lấp nên suy nghĩ chậm chạp, cần phải trải qua các pháp quán đối trị chủng tử hiện hành như gia giảm thuốc men và sự ăn uống thích hợp sau đó mới hết bệnh.

*Pháp Hoa Huyền Nghĩa* nói: “Nói về vào thật quán tức là mười thừa quán pháp:

1. Bất tư nghi cảnh: Là nhất thật tứ đế, nghĩa là sinh tử khổ đế bất khả tư nghi, tức không, tức giả, tức trung. Tức không nên phương tiện tịnh, tức giả nên viên tịnh, tức trung nên tính tịnh, ba tịnh trong nhất tâm được gọi là đại niết-bàn. *Kinh Tịnh Danh* nói: “Tất cả chúng sinh là đại niết-bàn cho nên gọi là tứ đế bất khả tư nghi. Không thể diệt nữa, đây là sinh tử khổ đế và là diệt đế vô tác cũng là tập đạo. Phiền não tập đế bất khả tư nghi tức không, tức giả, tức trung. Tức không nên gọi là nhất thiết trí, tức giả nên gọi là đạo chủng trí, tức trung nên gọi là nhất thiết chủng trí. Ba trí trong nhất tâm được gọi là đại bát-nhã”.

*Kinh Tịnh Danh* nói: “Tất cả chúng sinh là tướng bờ-đề, không thể được nữa, đây là phiền não tập và là đạo đế vô tác, cũng là khổ đế, diệt đế, cho nên gọi là tứ đế nhất thật bất khả tư nghi, cũng là chân thiện diệu sắc, vì sinh tử là không nên gọi là chân, sinh tử là giả nên gọi là thiện, sinh tử là trung nên gọi là diệu. Đây gọi là cảnh bất khả tư nghi của hữu môn.

2- Phát tâm chân chính: Tất cả chúng sinh là đại niết-bàn, tại sao lại điên đảo cho vui là khổ, liền khởi đại bi, lập hai thệ nguyện, khiến cho kẻ chưa được độ thì được độ, người chưa đoạn thì được đoạn. Tất cả phiền não là bờ-đề tại sao ngu muội cho đạo là sai trái, liền khởi đại từ, lập hai thệ nguyện, khiến cho người chưa biết được biết, người chưa đắc được đắc, với lòng tự vô duyên, thệ nguyện thanh tịnh, căn lực từ thiện, hồn nhiên thu hút tất cả chúng sinh.

3- An tâm: Đã thành tựu sự hiểu biết, phát tâm đầy đủ, không chịu thực hành yếu chỉ tu hành làm sao phát huy định tuệ như đến ao xem cá mà không như môi để bắt cá ? Như âm dương điều hòa vạn vật tươi tốt, thời tiết bất thường cây cỏ héo khô; như hai bánh xe đồng đều mới có thể chuyên chở, đôi cánh chim đầy đủ mới có thể bay cao. Thế hội sinh tử tức niết-bàn gọi là định, thông đạt phiền não tức bồ-đề gọi là tuệ. Trong nhất tâm khéo tu định tuệ, đầy đủ tất cả hạnh.

4- Phá chấp khắp nơi: Vì diệu tuệ như chiếc búa kim cương đập nát những ngăn ngại, như con mắt không nhắm thì thấy cảnh rõ ràng. Nếu sinh tử tức niết-bàn thì khổ để phân đoạn và biến dịch đều phá. Nếu phiền não tức bồ-đề thì tập để tứ trụ, ngũ trụ đều phá. Tuy còn năng phá nhưng không có sở phá. Vì sao ? Vì sinh tử tức niết-bàn nên không có sở phá.

5- Biết thông bát: Như chủ binh bảo lấy bỏ đều thích nghi, đối với kẻ mạnh thì cầu hòa, đối với kẻ yếu thì võ vè. Biết sinh tử là tai họa đó là bát, biết sinh tử là niết-bàn đó là thông. Biết phiền não tạp loạn là bát, biết phiền não là bồ-đề là thông. Bắt đầu từ bốn kiến chấp của ngoại đạo cho đến bốn môn của viên giáo đều biết thông bát. Mỗi mỗi chấp trước là bát, mỗi mỗi mất hết là thông. Nếu chẳng biết các pháp an nguy thì chẳng những hạnh pháp chẳng hiện tiền mà còn mất đi của báu quý giá.

6- Khéo biết đạo phẩm: Quán sinh tử là niết-bàn thì sắc ấm trong mười giới sinh tử đều phi tịnh phi bất tịnh cho đến thức ấm phi thường phi bất thường, có thể phá tan tám thứ điên đảo là pháp tính tứ niệm xứ. Trong niệm xứ đầy đủ đạo phẩm, ba thứ giải thoát và tất cả pháp.

Lại biết niết-bàn là sinh tử, hiển bày bốn cây héo (chỉ cho vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh), biết sinh tử là niết-bàn, hiển bày bốn cây tươi (chỉ cho thường, ngã, tịnh). Biết sinh tử, niết-bàn không hai tức là nhất thật đế, chẳng phải héo, chẳng phải tươi, trụ đại niết-bàn.

7- Khéo tu đối trị: Nếu chính đạo có nhiều chướng thì cần phải có trợ đạo. Quán sinh tử là niết-bàn là trị báo chướng. Quán phiền não là bồ-đề là trị nghiệp chướng, phiền não chướng.

8- Khéo biết thứ lớp: Sinh tử vốn là niết-bàn đây là lý niết-bàn, biết sinh tử tức niết-bàn đây là danh tự niết-bàn, quán sinh tử tức niết-bàn đây là quán hạnh niết-bàn, thiện căn công đức sinh đây là tương tự niết-bàn, tuệ chân thật khởi đây là phần chân niết-bàn, tận cùng sinh tử đây là cứu cánh niết-bàn. Quán phiền não tức bồ-đề cũng như thế.

9- Khéo an nhẫn: Hay an ổn trong ngoài mạnh yếu che chướng, không phá hoại quán tâm. Nếu quán sinh tử là niết-bàn thì chẳng bị cảnh âm, nhập, nghiệp bệnh hoạn, các cảnh ma, thiên của nhị thừa, Bồ-tát lay động. Nếu quán phiền não là bồ-đề thì chẳng bị các kiến chấp tăng thượng mạn lay động.

10- Không pháp ái: Đã qua chướng nạn, đạo căn thành tựu, các công đức sinh. Vì quán sinh tử là niết-bàn nên các công đức của thiên tam-muội sinh. Vì quán phiền não là bồ-đề nên các đà-la-ni vô úy bất cộng chư Bát-nhã sinh. Vì quán sinh tử niết-bàn bất nhị nên pháp thân thật tướng sinh. Công đức tương tự thuận theo đạo lý sinh, vui khởi thuận đạo pháp ái sinh gọi là pháp ái. Chẳng lên chẳng xuống gọi là đỉnh đạo. Ái này nếu khởi thì phải diệt ngay. Nếu diệt được ái này là đã phá tan vô minh, mở ra tri kiến Phật, chứng thật tướng. Vì quán sinh tử là niết-bàn nên được giải thoát, vì quán phiền não là bồ-đề nên chứng được bát-nhã. Hai thứ này bất nhị nên chứng được pháp thân, một thân tức vô lượng thân vô thượng bảo tụ, như ý trên châu, đầy đủ các pháp, đây gọi là nhập thật chứng, đặc kinh thể của hữu môn. Ba môn cũng như thế, cho đến tất cả pháp môn cũng như thế.

Hỏi: Nếu tức tâm là Phật thì tất cả chúng sinh đều có tâm này thấy đều thành Phật, tại sao trong giáo không thấy thọ ký danh hiệu của thời kiếp và cõi nước ?

Đáp: Danh hiệu của thời kiếp và cõi nước là thụ ký hiện đời trong lúc xuất thế độ sinh. Muốn biết sự thụ ký chân thật ấy như kinh Tịnh Danh nói: “Tất cả chúng sinh cũng như, tất cả pháp cũng như”.

*Kinh Hoa Nghiêm có bài tụng:*

*Hiển sức tự tại Phật  
Như thuyết kinh viên mãn  
Vô lượng các chúng sinh  
Đều thọ ký thành Phật.*

Lại tụng:

*Trong mỗi mỗi tâm niệm  
Quán khắp tất cả pháp  
An trụ chân như địa  
Liều đạt các pháp hải.*

Lại tụng:

*Trong mỗi mỗi vi trần  
Hay chứng tất cả pháp  
Được vô ngại như thế  
Mới đạo khắp mọi nơi.*

Đây là nhân pháp tâm cảnh đều được thọ ký thành Phật. Vì một niệm đầy đủ, một trần không khuyết, niệm niệm chứng chân, trần trần hợp thể, cùng ở cõi Thường Tịch Quang, cùng hiệu Tỳ-lô-giá-na, hoàn toàn không có thân và cõi nước sai khác. Thánh phàm cùng tam thế Phật nhất thời thành đạo, trước sau tình tiêu, cùng với mười loại chúng sinh đồng vào niết-bàn một ngày, không khởi vọng giải hữu tình vô tình, chẳng sinh tà tư trong tâm ngoài tâm, có thể gọi là trên không cầu, dưới không hóa, khế hợp chân thật, đắc bản quy tông, cùng chúng môn giải thoát nhất tế, đều thụ ký bồ-đề bình đẳng.

Cổ đức lại hỏi: Sắc tâm bất nhị, tự tính nhất như, vì sao không thấy gỗ đá được thụ ký thành Phật ?

Đáp: Vì các sắc chỉ là duy tâm, ngoài tâm không pháp, đâu duy tâm diệt mà sắc lại còn ? Phật chỉ thụ ký hữu tình gồm cả vô tình, ví như trò ảo thuật cần phải nhờ vào huyền tâm, tâm ở trong huyền hay bám lấy trò ảo thuật. Nếu tâm ấy diệt thì trò ảo thuật cũng không, cho nên chỉ cần dẹp tâm, không cần dẹp sự việc, sắc tâm chúng sinh cũng như thế, đều như tướng huyền. Tất cả ngoại cảnh từ huyền tâm sinh, nào phải tâm diệt mà còn huyền sắc, đây là hữu tình được thụ ký, vô tình cũng vậy. Thế nên vô tình không cần biệt ký.

*Huyền Nghĩa Cách* ghi: “Chân Phật là từ sơ phát tâm là thể hội nhất chân pháp giới, hoàn toàn đồng với Cổ Phật, khắp cả thời gian hoàn toàn hiện trong một hạt bụi biển tính vô biên trong ngoài bất khả đắc, tin pháp này cho nên gọi là phát tâm, tâm không có niệm khác cho nên gọi là chứng, chứng thành gọi là Phật, đích thực không nơi chốn. Lại nữa những người vào Sơ Trụ trong viên giáo, tâm đồng pháp giới, thân không nơi chốn thì cần gì thiên y, thiên tòa, tứ chúng vây quanh”.

Lập ra thời kiếp, cõi nước, danh hiệu thọ ký làm Phật là để diu dắt người chưa phát tâm khiến họ hâm mộ; nếu ưa thích thân, cõi nước thì tình chưa dứt. Do đó *Hoa Nghiêm luận* ghi: “Lúc mới phát tâm liền thành chính giác, trong một sát-na đều được pháp này, không chấp nhận ngoài sát-na có thời nào khác, nên biết là chẳng phải bản pháp. Nếu có người ở trong Phật pháp thấy Phật thành đạo, thấy có kiếp lượng dài ngắn, nơi chốn, thì niềm tin còn chưa có, nói chi đến tu đạo ? Nếu ngộ thì vốn được tất cả, nếu mê thì tự chìm đắm luân hồi”.

Lại nói: “Cảnh giới nhìn thấy và danh hiệu Như Lai đều là pháp của tự tâm lĩnh hội; nếu tự tâm chẳng lĩnh hội thì dù đối diện cũng không khi nào nhìn thấy”.

-----

<sup>1</sup> **Đại Mai Pháp Thường** (752-839) Thiền sư đời Đường, họ Trịnh, hiệu Đại Mai, người Trương Dương TQ. Sư tham kiến Mã Tổ Đạo Nhất được đại ngộ, kế thừa pháp Mã Tổ. Về sau sư ẩn tu núi Đại Mai (Chiết Giang).

<sup>2</sup> **Ngũ nhãn:** Là năm nhận: Phục, tín, thuận, vô sinh và tịch diệt. Phục nhãn là hàng tam hiền trước Thập địa; tín nhãn là Bồ-tát từ Sơ Địa đến Tam Địa; thuận nhãn là Bồ-tát Tứ Địa đến Lục Địa; vô sinh nhãn là Bồ-tát Thất Địa đến Cửu Địa; tịch diệt nhãn chỉ cho Bồ-tát Thập Địa và Phật.